

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 07-03-2019

V/v Tranh chấp chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa

Các Thẩm phán: Ông Lương Tiến Phương

Bà Phạm Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:
Bà Lò Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2018/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về “*Tranh chấp chia tài sản khi ly hôn*”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2018/HNGĐ- ST ngày 16/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên bị kháng cáo .

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐ- PT ngày 05 tháng 01 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐ-PT, ngày 16/01/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐ-PT, ngày 15/02/2019 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị H, sinh năm 1978, địa chỉ: Số nhà 124, tổ dân phố 21, phường M, thành phố P, tỉnh Điện Biên, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1971, địa chỉ: Tiểu khu 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sơn La, có mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn H:* ông Trần Ngọc T, sinh năm 1963, địa chỉ: Số nhà 55, Tổ 27, Phường M thành phố P, tỉnh Điện Biên, có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Nguyễn Văn H:* Ông Hoàng Tiến Ng, sinh năm 1955, địa chỉ: Số nhà 73, Tổ 1, Phường N, thành phố P, tỉnh Điện Biên, có mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+) Ông Phùng Lai C, sinh năm 1965 và bà Sái Thị P, sinh năm 1973, cùng trú tại địa chỉ: Số nhà 71, Tổ 27, Phường M, thành phố P, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

+) Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968, địa chỉ: Tiểu khu 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sơn La, vắng mặt không có lý do.

+) Chị Vũ Thị H, sinh năm 1980, địa chỉ: Đội 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

+) Ông Vũ Xuân L, sinh năm 1930, địa chỉ: Đội 15, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên vắng mặt không có lý do.

Người kháng cáo: Chị Vũ Thị H - là Nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 19/2012/HNGĐ-ST ngày 10/7/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên và bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 06/2012/HNGĐ-PT ngày 26/9/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã quyết định:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Văn H.

Về tài sản:

Không chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị H về việc yêu cầu Tòa án công nhận 01 nhà xây cấp 4 trên diện tích đất 91m² tại địa chỉ số nhà 71, tổ dân phố 27, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 325025 ngày 01/3/2010 mang tên Vũ Thị H) là tài sản riêng của chị Vũ Thị H.

Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn H về việc đề nghị Tòa án công nhận 01 nhà xây cấp 4 trên diện tích đất 91m² tại địa chỉ số nhà 71, tổ dân phố 27, phường M, thành phố P, tỉnh Điện Biên (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 325025 ngày 01/3/2010 mang tên Vũ Thị H) là tài sản chung của chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Văn H.

Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn H đối với số tiền 200.000.000 đồng là tài sản chung của chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Văn H.

Giao cho chị Vũ Thị H được quyền quản lý và sử dụng 01 nhà xây cấp 4 trên diện tích đất 91m² tại địa chỉ số nhà 71, tổ dân phố 27, phường M, thành phố P, tỉnh Điện Biên (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 325025 ngày 01/3/2010 mang tên Vũ Thị H), tổng giá trị nhà, đất là: 1.260.521.747 đồng. Chị Vũ Thị H có trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Văn H số tiền 180.000.000 đồng tiền chênh lệch giá trị tài sản chung.

Sau khi xét xử phúc thẩm, anh Nguyễn Văn H có đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm, sơ thẩm nêu trên. Tại quyết định giám đốc thẩm số 08/2016/HNGĐ-GĐT ngày 21/7/2016 của Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định: (1) Hủy một phần bản án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 06/2012/HNGĐ-PT ngày 26/9/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên và hủy một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 19/2012/HNGĐ-ST ngày 10/7/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên về phần tài sản. (2) Giao hồ sơ cho Tòa án

nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 25/10/2016 Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ thụ lý vụ án để giải quyết lại. Ngày 31/7/2017 Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ cho rằng có thay đổi về thẩm quyền giải quyết, do đó ban hành Quyết định chuyển vụ án số 02/2017/QĐST-HNGĐ chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên. Sau khi nghiên cứu Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành văn bản số 559/CV-TA ngày 08/8/2017 không chấp nhận việc chuyển vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm và chuyển trả hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ để giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngày 11/8/2017 Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ thụ lý lại vụ án và tiếp tục giải quyết vụ án.

Trong đơn khởi kiện ngày 15/11/2011; lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bày:

Tài sản chung của vợ chồng không có, tài sản riêng chị H có 01 căn nhà xây cấp 4 trên diện tích đất 91m² tại địa chỉ số nhà 71, tổ dân phố 27, phường M, thành phố P, tỉnh Điện Biên. Nguồn gốc nhà, đất do chị H nhận chuyển nhượng của vợ chồng chị Lê Thanh L và anh Nguyễn Đông Đ thông qua ông Lê Đăng B - là bố đẻ của chị L với giá 515 triệu đồng. Nguồn tiền mua nhà, đất gồm có: 140 triệu đồng là tiền chị H bán nhà đất tại đội 19, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; 90 triệu đồng là tiền riêng của chị H; 200 triệu đồng là tiền của ông Vũ Xuân L (bố đẻ của chị H) cho chị H vay; 85 triệu đồng ông L cho con gái riêng của chị H. Sau khi nhận chuyển nhượng nhà, đất chị H đã thực hiện thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên một mình chị H, khi đó anh H biết nhưng không có ý kiến gì về việc này. Chị H đề nghị công nhận đây là tài sản riêng của chị.

Đối với nhà, đất tại đội 19, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên có nguồn gốc do chị H nhận chuyển nhượng từ ông Vũ Văn C vào tháng 4 năm 2007 bằng tiền tiết kiệm riêng của chị H có trước khi kết hôn với anh H. Vì vậy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ mang tên một mình chị H.

Đối với số tiền 100 triệu đồng chị H gửi Ngân hàng vào ngày 01/8/2011, rút vào ngày 07/9/2011 và ngày 03/10/2011 là tiền chị vay của bà Nguyễn Thị H (chị gái của ông H) 50.000.000 đồng và vay của bà Vũ Thị H (em gái của chị H) 50.000.000 đồng; chị H đã rút tiền tiết kiệm và trả hết số nợ trên cho bà Nguyễn Thị H và bà Vũ Thị H, đến nay toàn bộ số tiền gửi tiết kiệm đã không còn. Việc vay mượn tiền giữa chị H với bà Nguyễn Thị H và bà Vũ Thị H do đều là người nhà tin tưởng nhau nên không lập thành văn bản.

Để có tiền thực hiện bản án phúc thẩm số 06/2012/HNGĐ-PT ngày 26/9/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên, tháng 10/2012 chị H đã chuyển nhượng nhà, đất cho ông Vũ Xuân L, đến năm 2015 ông L chuyển nhượng cho ông Phùng Lai C và bà Sái Thị P, hiện nay nhà, đất thuộc quyền sở hữu của ông C và bà P. Sau đó, chị H đã thanh toán cho anh H số tiền 180 triệu đồng theo biên lai thu tiền thi hành án số AA/2010/05444 ngày 17/10/2012 của Chi cục thi

hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ và giấy xác nhận kết quả thi hành án số 39/GXN-THA, ngày 17/10/2012 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Về những tài sản khác: Trong quá trình giải quyết vụ án chị H khai ngày 23/10/2012 anh H đã tự ý lấy đi một số tài sản của chị H gồm: 01 xe máy FUTURE NEO mang biển kiểm soát 27F7-3778 màu sơn đen xám bạc, giấy đăng ký xe mang tên Vũ Thị H (đây là tài sản riêng của chị H); 01 máy vi tính; 01 tủ lạnh; 01 bình nóng lạnh; 02 giường ngủ; 01 bộ karaoke; 01 tủ đứng. Chị H yêu cầu Tòa án thu hồi những tài sản trên và thu hồi số tiền 180 triệu anh H đã nhận ngày 07/11/2012 để chia lại theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về tài sản riêng: Anh H, chị H không có tài sản riêng.

Về tài sản chung: Anh H và chị H có tài sản chung là một ngôi nhà xây cấp 4 trên diện tích đất 91m², tại địa chỉ số nhà 71, tổ dân phố 27, phường M, thành phố P, tỉnh Điện Biên. Nguồn gốc nhà, đất trên là do anh H, chị H nhận chuyển nhượng từ anh Đ, chị L với giá 515 triệu đồng. Khi thực hiện thủ tục chuyển nhượng nhà, đất hai vợ chồng anh H, chị H trực tiếp giao dịch với ông Lê Đăng B (là bố đẻ của chị Lê Thanh L, do hai vợ chồng anh, chị Đ, L ủy quyền việc thực hiện chuyển nhượng nhà, đất cho ông B). Nguồn gốc số tiền 515 triệu để mua nhà, đất bao gồm: 140 triệu tiền bán nhà, đất tại đội 19, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên cho vợ chồng Q1, Q2; tiền gửi tiết kiệm mang tên chị H (số tiền cụ thể anh H không biết); tiền chị H bán 02 cây vàng; 68 triệu đồng tiền anh H ký hợp đồng nuôi cá tại trang trại ở M.

Đối với giá trị nhà và đất chị H đã bán cho ông Vũ Xuân L với giá 400 triệu đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất chứng thực ngày 18/10/2012 anh H không nhất trí. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của anh H, ông Trần Ngọc T đề nghị Tòa án chia đôi giá trị nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ số nhà 71, tổ dân phố 27, phường M, thành phố P, tỉnh Điện Biên theo giá trị tại thời điểm xét xử là 4.200.000.000 đồng, mỗi người được hưởng 2.100.000.000 đồng.

Tiền mua nhà đất tại địa chỉ đội 19, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên của ông Vũ Văn C là tiền chung của hai vợ chồng tích cóp được, trước khi kết hôn ông H có đưa cho bà H 35 triệu đồng để mua nhà đất này và mua xe máy.

Đối với chiếc xe máy FUTURE NEO mang biển kiểm soát 27F7-3778 màu sơn đen xám bạc hiện nay ông H không quản lý, sử dụng mà chiếc xe đã bị thu giữ, quản lý tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Điện Biên do anh H vi phạm Luật giao thông đường bộ. Chiếc xe do anh H đưa tiền cho chị H mua và để chị H đứng tên do anh H không có giấy phép lái xe.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H còn đề nghị Tòa án giải quyết đôi với số tiền 200 triệu đồng, số tiền này là tiền vợ chồng anh dùng để mua đất làm nhà trọ, tuy nhiên chưa mua được đất, số tiền trên do chị H quản lý. Tại phiên

tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của anh H là ông Trần Ngọc T đã rút yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền 200 triệu đồng này.

Anh H nhất trí với lời khai của chị H về việc đã nhận từ chị H số tiền 180 triệu đồng tiền chênh lệch giá trị tài sản qua Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, số tiền này anh H đã chi tiêu cá nhân hết.

Đối với những tài sản khác bao gồm: 01 máy vi tính; 01 tủ lạnh; 01 bình nóng lạnh; 02 giường ngủ; 01 bộ karaoke; 01 tủ đứng, người đại diện theo ủy quyền của anh H, ông Trần Ngọc T đã rút toàn bộ yêu cầu tại phiên tòa sơ thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Vũ Xuân L trình bày: Ông L là bố đẻ của chị H, ông và hai con trai của ông (anh Vũ Xuân Tr, anh Vũ Xuân H) đã cùng chị H đến giao dịch với ông Lê Đăng B là người được ủy quyền trong việc chuyển nhượng nhà, đất tại địa chỉ số nhà 71, tổ dân phố 27, phường M, thành phố P, tỉnh Điện Biên và trả tiền 450 triệu đồng tại gia đình ông B. Trong số tiền giao dịch trên có 200 triệu đồng tiền ông L cho chị H vay và 85 triệu đồng ông L cho con gái của chị H. Số tiền này ông cho một mình chị H vay, việc vay mượn tiền giữa ông và chị H, anh H không biết.

Ông Phùng Lai C và bà Sái Thị P trình bày:

Vào tháng 11 năm 2015, gia đình ông C, bà P có mua nhà, đất của ông Vũ Xuân L tại địa chỉ số nhà 71, tổ dân phố 27, phường M, thành phố P, tỉnh Điện Biên với giá thỏa thuận là 1.950.000.000 đồng. Khi mua bán hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 13/11/2015 tại Văn phòng công chứng số 01 tỉnh Điện Biên; ông C, bà P đã được Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Điện Biên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 01/12/2015. Toàn bộ quá trình chuyển nhượng quyền sử dụng đất ông C, bà P chỉ giao dịch với ông Vũ Xuân L mà không giao dịch với chị Vũ Thị H. Ông C, bà P đề nghị Tòa án xem xét đảm bảo quyền lợi người sử dụng đất hợp pháp là ông, bà.

Bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà Nguyễn Thị H chưa bao giờ cho chị Vũ Thị H vay số tiền 50.000.000 đồng và hiện nay chị H cũng không nợ tiền bà H.

Bà Vũ Thị H trình bày: Vào khoảng tháng 8 năm 2011, chị Vũ Thị H có vay của bà số tiền 50.000.000 đồng để mua máy xóa phun xăm, tuy nhiên chị H không mua máy và đến tháng 10 năm 2011 chị H đã trả lại tiền cho bà H. Việc vay mượn do là chị em trong gia đình nên không lập thành văn bản.

Tại bản án hôn nhân gia đình số 27/2018/HNGĐ-ST ngày 16/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đã quyết định:

Căn cứ:

Điều 33; khoản 3 Điều 38; khoản 3 Điều 39; Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1, 2 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 218; khoản 2 Điều 219; điểm b, d khoản 2 Điều 227; Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 4, 6 Điều 26; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Xác định nhà, đất tại địa chỉ số nhà 71, tổ dân phố 27, phường M, thành phố P, tỉnh Điện Biên, có tổng giá trị là 1.260.521.747 đồng và số tiền 100.000.000 đồng bà H gửi tiết kiệm tại Ngân hàng đầu tư và phát triển tỉnh Điện Biên trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung của bà Vũ Thị H và ông Nguyễn Văn H (Hiện bà Vũ Thị H đang quản lý).

Bà Vũ Thị H được hưởng tổng số tiền là 810.521.747 đồng, trong đó 760.521.747 đồng là tiền nhà đất và 50.000.000 đồng tiền gửi tiết kiệm;

Ông Nguyễn Văn H được hưởng tổng số tiền 550.000.000 đồng, trong đó 500.000.000 đồng là tiền nhà đất và 50.000.000 đồng tiền gửi tiết kiệm;

Bà Vũ Thị H có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn H số tiền chênh lệch giá trị tài sản là: 550.000.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 180.000.000 đồng bà H đã trả cho ông H theo biên lai thu tiền số AA/2010/05444 ngày 17/10/2012 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Bà Vũ Thị H còn phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn H số tiền chênh lệch giá trị tài sản còn lại là: 370.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm thanh toán cho bà Vũ Thị H số tiền 900.000 đồng giá trị chiếc xe máy FUTURE NEO mang biển kiểm soát 27F7-3778 màu sơn đen xám bạc mang tên Vũ Thị H là tài sản riêng của bà H.

Không xem xét giải quyết yêu cầu chia tài sản đối với những tài sản khác: 01 máy vi tính, 01 tủ lạnh, 01 bình nóng lạnh, 02 giường ngủ, 01 bộ karaoke, 01 chiếc tủ đứng.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Nguyễn Văn H đối với số tiền mặt 100.000.000 đồng.

Không xem xét giải quyết yêu cầu của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/10/2012 giữa bà Vũ Thị H và ông Vũ Xuân L; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 23225 mang tên Vũ Xuân L do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Điện Biên cấp ngày 25/10/2012; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 13/11/2015 giữa ông Vũ Xuân L và ông Phùng Lai C - bà Sái Thị P, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 29457 mang tên ông Phùng Lai C - bà Sái Thị P do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Điện Biên cấp ngày 01/12/2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/10/2018, nguyên đơn chị Vũ Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 27/2018/HNGĐ-ST ngày 16/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm. Ngày 01/02/2019 trong đơn sửa đổi, bổ sung kháng cáo chị Vũ Thị H rút một

phần nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm đối với nội dung chia nhà, đất tại số nhà 71, tổ dân phố 27, phường M, thành phố P vì anh Nguyễn Văn H không có công sức đóng góp gì đối với tài sản này; đề nghị xác định giá trị xe máy FUTURE NEO là 23.500.000 đồng chứ không phải là 900.000 đồng; đề nghị đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia 200.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn H theo quy định của pháp luật do người đại diện theo ủy quyền của anh H đã rút yêu cầu tại Tòa án cấp sơ thẩm; chị nhất trí với các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo yêu cầu xem xét về tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về đề nghị Tòa án giải quyết thu hồi chiếc xe máy FUTURE NEO do anh H lấy đi vào ngày 23/10/2012; giữ nguyên yêu cầu kháng cáo theo đơn ngày 01/02/2019, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Ý kiến của bị đơn anh H, ông T, ông N không nhất trí chia lại tài sản, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm;

Về nội dung: Đơn kháng cáo của chị H hợp lệ đúng theo quy định tại các điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 1 Điều 309; điều 299, điều 311 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Vũ Thị H, sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 27/2018/HNGĐ-ST ngày 16/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên: sửa phần án phí; hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của các đương sự về chiếc xe máy FUTURE NEO và về 200 triệu đồng; giữ nguyên phần chia tài sản là giá trị nhà, đất tại số 71, tổ dân phố 27, phường M, thành phố P, tỉnh Điện Biên của Tòa án cấp sơ thẩm.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của chị Vũ Thị H, lời trình bày của các đương sự, người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn H, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Nguyễn Văn H và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

Đơn kháng cáo của chị Vũ Thị H được thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn đúng theo quy định tại các điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.1] Về thủ tục xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Phùng Lai C, bà Sái Thị P, ông Vũ Xuân L, bà Vũ Thị H, bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất để tham gia phiên tòa ngày

16/01/2019. Tại phiên tòa ngày 16/01/2019 ông Phùng Lai C, bà Sái Thị P, bà Nguyễn Thị H đều vắng mặt không có lý do, không có đơn xin xét xử vắng mặt và ông Vũ Xuân L, bà Vũ Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt; do đó HĐXX quyết định hoãn phiên tòa, phiên tòa được mở lại vào ngày 15/02/2019. Tại phiên tòa ngày 15/02/2019 ông Vũ Xuân L, bà Vũ Thị H, ông Phùng Lai C, bà Sái Thị P, bà Nguyễn Thị H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; chị Vũ Thị H có đơn xin hoãn phiên tòa do đang đi điều trị bệnh ung thư tại Hà Nội, HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định hoãn phiên tòa, phiên tòa được mở lại vào ngày 07/3/2019. Tại phiên tòa ngày 07/3/2019 ông Phùng Lai C, bà Sái Thị P, bà Nguyễn Thị H, bà Vũ Thị H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 3 nhưng đều vắng mặt không có lý do, do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.2.] Về quan hệ pháp luật: Tại quyết định giám đốc thẩm số 08/2016/HNGĐ-GĐT, ngày 21/7/2016 của Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã hủy một phần bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 06/2012/HNGĐ-PT ngày 26/9/2012 của TAND tỉnh Điện Biên và hủy một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 19/2012/HNGĐ-ST ngày 10/7/2012 của TAND thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên về phần tài sản trong vụ án Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Vũ Thị H với bị đơn anh Nguyễn Văn H. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án này xác định đúng là “tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; trong hồ sơ vụ án thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm có văn bản tố tụng xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân”, có văn bản lại xác định là “Hôn nhân và gia đình” là chưa chính xác.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn chị Vũ Thị H

[2.1] Về nội dung đề nghị xác định giá trị xe máy FUTURE NEO là 23.500.000đồng chứ không phải là 900.000đồng: Tại phiên tòa phúc thẩm chị H đã rút yêu cầu đề nghị giải quyết đối với chiếc xe máy FUTURE NEO và rút yêu cầu kháng cáo về nội dung này. Mặc khác, tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của anh H cũng đã rút yêu cầu đề nghị giải quyết chiếc xe máy FUTURE NEO, tại phiên tòa phúc thẩm anh H nhất trí với việc rút yêu cầu của chị H, HĐXX xét thấy việc rút yêu cầu của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận, cần hủy phần quyết định về giải quyết chiếc xe máy FUTURE NEO của Tòa án cấp sơ thẩm và đình chỉ giải quyết theo quy định tại Điều 299 và Điều 311 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Về nội dung đề nghị đình chỉ việc giải quyết yêu cầu của anh H đối với số tiền 200.000.000đồng, HĐXX thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm ông Trần Ngọc T là người đại diện theo ủy quyền của anh H đã tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu giải quyết đối với số tiền 200 triệu đồng. Trong trường hợp này, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm cần căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp

nhận và đình chỉ giải quyết 100.000.000đồng; còn tiếp tục giải quyết đối với 100.000.000đồng là không đúng với quy định của pháp luật.

[2.3] Về nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm đối với việc phân chia giá trị nhà, đất tại số 71, tổ 27, phường M, thành phố P, tỉnh Điện Biên vì chị H cho rằng anh H không có công sức đóng góp vào việc tạo lập tài sản này, thấy rằng:

[2.3.1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định nhà, đất tại số 71, tổ dân phố 27, phường M, thành phố P, tỉnh Điện Biên (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 325025 ngày 01/3/2010 mang tên Vũ Thị H) là tài sản chung của chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Văn H là đúng. Tuy nhiên, ngày 18/10/2012 chị Vũ Thị H căn cứ vào bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 06/2012/HNGĐ-PT ngày 26/9/2012 của TAND tỉnh Điện Biên tiến hành xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Vũ Xuân L, ông L đã được UBND thành phố P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 23225 ngày 25/10/2012. Đến ngày 13/11/2015 ông Vũ Xuân L chuyển nhượng cho ông Phùng Lai C và bà Sái Thị P, ông C và bà P được UBND thành phố P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 29457 ngày 01/12/2015; các hợp đồng chuyển nhượng nói trên đều hợp pháp theo quy định tại Điều 46 của Luật đất đai năm 2003; các Điều 688, 689, 691, 692 của BLDS năm 2005; vì vậy, chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Văn H không có quyền đòi lại nhà, đất tại số 71, tổ dân phố 27, phường M, thành phố P, tỉnh Điện Biên. Tòa án cấp sơ thẩm xác định giá trị nhà, đất tại thời điểm tháng 4 năm 2012 để chia bằng tiền là đúng.

[2.3.2] Về giá của tài sản nhà, đất: căn cứ vào Kết luận định giá tài sản ngày 09/4/2012 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng dân sự tỉnh Điện Biên (BL 196 - Tập 1) xác định giá trị nhà, đất là 1.260.521.747 (trong đó giá trị đất là 1.225.000.000đồng và nhà giá trị là 35.521.747đồng). Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đồng ý với kết quả định giá này; Tòa án cấp sơ thẩm xác định giá trị tài sản nhà, đất có tranh chấp là 1.260.521.474 đồng là có căn cứ.

[2.3.3] Về nguồn gốc tiền mua nhà, đất tại số 71, tổ dân phố 27, phường M, thành phố P, tỉnh Điện Biên:

[2.3.3.1] Đối với số tiền 140.000.000đồng bán nhà, đất tại đội 19, xã T, huyện Đ. Tháng 4/2007 chị Vũ Thị H nhận chuyển nhượng từ ông Vũ Văn C và bà Hoàng Thị M với giá 78.000.000đồng, chị H xác định số tiền này là tiền riêng của chị gửi tiết kiệm trước khi kết hôn. Tuy nhiên theo tài liệu trong hồ sơ cho thấy chị H rút tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh tỉnh Điện Biên (BL 71-Tập 1) như sau: ngày 22/01/2007, rút số tiền 16.008.000đồng; ngày 09/4/2007 rút 41.016.400đồng. Căn cứ vào thời điểm mua nhà, đất và thời điểm rút tiền đối chiếu với lời khai của chị H (BL 421-Tập 1) thì có cơ sở xác định chị H đã dùng 40.000.000đồng trong số tiền 41.016.400đồng rút ngày 09/4/2007 vào việc mua nhà, đất là tiền tiết kiệm riêng của chị H. Số tiền còn lại 38.000.000đồng chị H, anh H không chứng minh được là tiền riêng của mình, vì vậy phải xác định đây là tiền chung của vợ chồng.

[2.3.3.2] Đối với số tiền 285.000.000đồng chị H khai của bố đẻ ông Vũ Xuân L cho cháu Thủy T con gái chị H và cho chị H vay để mua nhà, đất: Ngoài lời khai của chị H và ông L không có chứng cứ nào khác chứng minh, do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là có cơ sở.

[2.3.4] Công sức đóng góp của chị H, anh H trong tài sản chung là nhà, đất tại số 71, tổ dân phố 27, phường M, thành phố P, tỉnh Điện Biên:

Về thu nhập của chị H và anh H: Tài liệu trong hồ sơ thể hiện chị H làm nghề cắt tóc và chăm sóc sắc đẹp, phun xăm thẩm mỹ, có thu nhập ổn định, căn cứ vào sổ tiền gửi tiết kiệm của chị H từ 15/9/2007 đến 01/8/2011 có cơ sở để tạm tính được thu nhập trung bình của chị H là khoảng 18,6 triệu/1 tháng (BL 71, 274, 337-343 Tập 1). Lời khai của anh H về thu nhập không thống nhất, trong Biên bản hòa giải ngày 20/12/2011 (BL76,77- Tập 1) anh trình bày “thu nhập 01 tháng tôi bỏ ra 3, 4 triệu, thỉnh thoảng mới đi làm chứ không đi thường xuyên; 01 năm đi làm khoảng 4, 5 tháng; có năm thì đi làm 2, 3 tháng; thời gian còn lại ở nhà”; trong Biên bản lấy lời khai ngày 29/5/2012 (BL 254 - Tập 1) anh Hậu trình bày “tôi chủ yếu làm nghề buôn bán tự do và thỉnh thoảng tôi đi làm thợ xây. Thu nhập của tôi không ổn định, có tháng nhiều nhất làm được đến 20 triệu, còn bình thường thu nhập của tôi mỗi tháng là từ 07-08 triệu đồng” và tại phiên tòa phúc thẩm anh H cũng không cung cấp được tài liệu chứng minh thu nhập của mình cụ thể là bao nhiêu. Như vậy, không có đủ cơ sở để xác định được thu nhập và công việc của anh H, do đó chỉ có thể xác định lao động của anh H trong gia đình và được coi như là lao động có thu nhập và chiếm 1/4 trong thu nhập của chị Hiền là tài sản chung (bằng $18,6 \text{ triệu} : 4 = 4.650.000 \text{ đồng/1 tháng}$).

Về số tiền mua, bán nhà, đất tại đội 19, xã T, huyện Đ: Trong 78.000.000đ tiền mua nhà, đất có 40.000.000đồng là tiền riêng của chị H; trong 38.000.000đồng, của chị H là $\frac{3}{4} \times 38.000.000\text{đ} = 28.500.000\text{đồng}$, của anh H là $\frac{1}{4} \times 38.000.000\text{đ} = 9.500.000\text{đồng}$. Như vậy số tiền chị H góp là $40.000.000\text{đ} + 28.500.000\text{đ} = 68.500.000\text{đồng}$, chiếm 87,8%, anh H góp là 9.500.000đồng, chiếm 12,2%. Nhà, đất bán cho anh Đặng Đình Q và chị Hoàng Thị Thu Q được 140.000.000đồng, chia theo tỉ lệ tiền góp thì chị H được hưởng $140.000.000\text{đ} \times 87,8\% = 122.920.000\text{đồng}$; anh H được hưởng $140.000.000\text{đ} \times 12,2\% = 17.080.000\text{đồng}$.

Về số tiền mua nhà, đất tại số 71, tổ dân phố 27, phường M, thành phố P 515.000.000đồng: Gồm 140.000.000đồng tiền bán nhà, đất tại đội 19, xã T và 375.000.000đồng là tiền chung của anh H và chị H. Trong đó, chị H góp $122.920.000\text{đồng} + (\frac{3}{4} \times 375.000.000\text{đ}) = 404.170.000\text{đồng}$, chiếm 78,5%; anh H góp $17.080.000\text{đồng} + (\frac{1}{4} \times 375.000.000\text{đ}) = 110.830.000\text{đồng}$, chiếm 21,5%. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ nhận định chung là công sức đóng góp của chị H nhiều hơn anh H nhưng không đưa ra lập luận vững chắc là chưa chính xác, vì vậy kháng cáo của chị H có cơ sở để chấp nhận.

Từ các phân tích trên có thể tính kỹ phần được chia trong giá trị nhà, đất như sau: chị H được chia $78,5\% \times 1.260.521.747\text{đồng} = 989.509.571\text{đồng}$ (làm

tròn 989.509.500đồng); anh H được chia 21,5% X 1.260.521.747đồng = 271.012.175đồng (làm tròn số 271.012.000đ). Ngày 07/11/2012 anh H đã nhận số tiền 180.000.000đồng do chị H nộp cho cơ quan thi hành án dân sự, do đó chị H chỉ phải thanh toán tiếp cho anh H 91.012.175đồng (làm tròn số 91.012.000đ) (*chín mươi một triệu không trăm mười hai nghìn đồng*) tiền chênh lệch giá trị tài sản.

[3] Từ nhận định tại đoạn [2.3] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ chưa chính xác dẫn đến quyết định chưa đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của BLTTDS cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Vũ Thị H; chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tại phiên tòa phúc thẩm về sửa phần án phí; hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của các đương sự về chiếc xe máy FUTURE NEO và về 200 triệu đồng.

[9] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên chị Vũ Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Chị H được hoàn trả lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm chưa khấu trừ tiền án phí cho chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Văn H đã nộp ngân sách nhà nước do Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ thu năm 2012 là chưa đúng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì các đương sự phải chịu án phí như sau:

- Chị Vũ Thị H được chia 989.509.500đồng, do vậy án phí là 36.000.000đồng + (3% X 189.509.500) = 41.686.285đồng được khấu trừ 29.410.434đồng đã nộp, chị H còn phải nộp 12.274.851đồng (làm tròn 12.274.800đồng).

- Anh Nguyễn Văn H được chia 271.012.000đồng, do vậy án phí là 271.012.000đồng X 5% = 13.550.600đồng được khấu trừ 9.132.000đồng đã nộp, anh H còn phải nộp 4.418.600đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 1 Điều 309; điều 299, điều 311 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của chị Vũ Thị H, sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 27/2018/HNGĐ-ST ngày 16/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, cụ thể:

Áp dụng:

Điều 27; Điều 32; Điều 95; Điều 97; Điều 98 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1, 2 Điều 147; khoản 2 Điều 148; điểm c khoản 1 Điều 217;

khoản 2 Điều 219; điểm b, d khoản 2 Điều 227; Điều 244; Điều 271; Điều 273; khoản 3 Điều 289; Điều 295 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Hủy một phần bản án sơ thẩm số 27/2018/HNGĐ-ST ngày 16/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên và đình chỉ giải quyết: đối với yêu cầu của anh Nguyễn Văn H, chị Vũ Thị H về chiếc xe máy FUTURE NEO, biển kiểm soát 27F7-3778, màu sơn đen xám bạc, giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Vũ Thị H và yêu cầu của anh Nguyễn Văn H về số tiền 200.000.000đồng.

2. Xác định nhà, đất tại địa chỉ số nhà 71, tổ dân phố 27, phường M, thành phố P, tỉnh Điện Biên, có tổng giá trị là 1.260.521.747 đồng là tài sản chung của chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Văn H. Nhà, đất nói trên chị Vũ Thị H đã chuyển nhượng hợp pháp cho ông Vũ Xuân L, do đó phân chia giá trị nhà, đất, cụ thể như sau:

Chị Vũ Thị H được hưởng số tiền là 989.509.500đồng (*chín trăm tám mươi chín triệu năm trăm linh chín nghìn năm trăm đồng*);

Anh Nguyễn Văn H được hưởng tổng số tiền 271.012.000đồng (*hai trăm bảy mươi một triệu không trăm mười hai nghìn đồng*).

Chị Vũ Thị H có trách nhiệm thanh toán phần chênh lệch giá trị tài sản cho anh Nguyễn Văn H là 271.012.000đồng, được khấu trừ số tiền 180.000.000đồng chị H đã trả cho anh H theo biên lai thu tiền số AA/2010/05444 ngày 17/10/2012 và Phiếu chi số PC/42 ngày 07/11/2012 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; chị H phải thanh toán cho anh H số tiền còn lại là 91.012.000đồng (*chín mươi một triệu không trăm mười hai nghìn đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Vũ Thị H không phải chịu án phí phúc thẩm, chị được hoàn trả lại 300.000đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002083 ngày 01/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

+) Chị Vũ Thị H phải chịu 41.686.285đồng được khấu trừ 29.410.434đồng đã nộp theo giấy xác nhận kết quả thi hành án số 30/GXN-THA, ngày 17/10/2012 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, chị H còn phải nộp 12.274.800đồng (*mười hai triệu hai trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm đồng chẵn*)

- Anh Nguyễn Văn H phải chịu 13.550.600đồng được khấu trừ 9.132.000đồng đã nộp theo Chứng từ kết chuyển số KCCTK26 ngày 25/10/2012 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, anh H còn phải nộp 4.418.600đồng (*bốn triệu bốn trăm mười tám nghìn sáu trăm đồng*).

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND Tp Điện Biên Phủ;
- Chi cục THADS tp Điện Biên Phủ;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hòa